Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2701.19.00

Mã HS	2701.19.00
Mô tả hàng hóa	Than đá; than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá / - Than đá, đã hoặc chưa nghiền thành bột, nhưng chưa đóng bánh: / - - Than đá loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	08/11/2026 10:16:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/27011900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	3	3%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3250
Thuế NK ưu đãi (MFN)	2	2%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3250
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3250
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV3250
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ3250
Thuế XK ưu đãi CPTPP	10	10%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM3250
Thuế XK ưu đãi EVFTA	10	10%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP3250
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	10	10%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS3250

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3236
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3197
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3197
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3197
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3197
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3197
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3197
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3235
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3235

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3235
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3235
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3235
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3235
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3239
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3239
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3239
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3239
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3239
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3239
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3239
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3203
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3199
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3199
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3199
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3199
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3199
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3199
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3199
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3199
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3199
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3199
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3199
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3199
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3246
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3246

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3246
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3246
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3246
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3246
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3243
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3243
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3243
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3243
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3243
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3243
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3251
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3251
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3251
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3251
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3251
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3251
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3222
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3222
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3222
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3222
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3222
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3222
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3224
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3224
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3224
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3224

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3224
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3224
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3220
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3220
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3220
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3220
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3220
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3220
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3220
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3243
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3243
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3243
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3243
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3243
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3243
RCEP B	2022	2022	0	B!D3243
RCEP B	2023	2023	0	B!E3243
RCEP B	2024	2024	0	B!F3243
RCEP B	2025	2025	0	B!G3243
RCEP B	2026	2026	0	B!H3243
RCEP B	2027	2027	0	B!I3243
RCEP C	2022	2022	0	C!D3243
RCEP C	2023	2023	0	C!E3243
RCEP C	2024	2024	0	C!F3243
RCEP C	2025	2025	0	C!G3243
RCEP C	2026	2026	0	C!H3243

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3243
RCEP D	2022	2022	0	D!D3243
RCEP D	2023	2023	0	D!E3243
RCEP D	2024	2024	0	D!F3243
RCEP D	2025	2025	0	D!G3243
RCEP D	2026	2026	0	D!H3243
RCEP D	2027	2027	0	D!I3243
RCEP E	2022	2022	0	E!D3246
RCEP E	2023	2023	0	E!E3246
RCEP E	2024	2024	0	E!F3246
RCEP E	2025	2025	0	E!G3246
RCEP E	2026	2026	0	E!H3246
RCEP E	2027	2027	0	E!I3246
RCEP F	2022	2022	0	F!D3243
RCEP F	2023	2023	0	F!E3243
RCEP F	2024	2024	0	F!F3243
RCEP F	2025	2025	0	F!G3243
RCEP F	2026	2026	0	F!H3243
RCEP F	2027	2027	0	F!I3243
VIFTA	2024	2024	0	VI!F2993
VIFTA	2025	2025	0	VI!G2993
VIFTA	2026	2026	0	VI!H2993
VIFTA	2027	2027	0	VI!I2993

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2701.19.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 2% của mã 2701.19.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3250), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác chưa chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL1)

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.